**Đề thi Học kì 1**

**Môn: Địa lý 9**

*Thời gian làm bài: 45 phút*

**(Đề 1)**

Phần trắc nghiệm

**Câu 1:Giới hạn phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Dãy Tam Đảo       B. Dãy Con Voi

C. Dãy Tam Điệp       D. Dãy Bạch Mã

**Câu 2:Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Tây Nguyên là:** *(0,5 điểm)*

A. Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt.

B. Gia Nghĩa, Bảo Lộc, Kon Tum.

C. Đắk Tô, Đắk Min, Di Linh.

D. Krông Buk, Krông Ana, Buôn Đôn.

**Câu 3:Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực miền núi, gò đồi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Công nghiệp, thương mại, du lịch, chăn nuôi bò đàn

B. Chăn nuôi lợn, nghề rừng, cây công nghiệp hằng năm

C. Trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu, bò đàn

D. Sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp hằng năm

**Câu 4:Các tỉnh Cực Nam Trung Bộ nổi tiếng về nghề làm muối chủ yếu do:** *(0,5 điểm)*

A. Giao thông vận tải thuận lợi

B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn

C. Người dân giàu kinh nghiệm làm muối

D. Độ mặn của nước biển cao, thời tiết khô hạn

**Câu 5:Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là:** *(0,5 điểm)*

A. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.

B. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.

C. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.

D. Người dân tộc thiểu số tập trung ở các thành phố.

**Câu 6:Một trong những đặc điểm về địa hình ở Tây Nguyên là:** *(0,5 điểm)*

A. Địa hình núi cao bị cắt xẻ mạnh.

B. Địa hình cao nguyên xếp tầng.

C. Địa hình núi xen kẽ với đồng bằng

D. Địa hình cao nguyên đá vôi tiêu biểu.

Phần tự luận

**Câu 1:Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, em hãy:** *(3,5 điểm)*

a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

b. Kể tên các tỉnh thuộc Tây Nguyên có chăn nuôi bò

**Câu 2:Cho bảng số liệu:** *(3,5 điểm)*

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN

SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích | | | Sản lượng | | |
| 1995 | 2010 | 2014 | 1995 | 2010 | 2014 |
| Tây Nguyên | 79,0 | 96,7 | 89,4 | 85,7 | 92,9 | 93,0 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).

b. Rút ra những nhận xét cần thiết

**Phòng Giáo dục và Đào tạo .....**

**Đề thi Học kì 1**

**Môn: Địa lý 9**

*Thời gian làm bài: 45 phút*

**(Đề 2)**

Phần trắc nghiệm

**Câu 1:Các trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Nghệ An, Hà Tĩnh

B. Đông Hà, Quảng Trị

C. Thanh Hóa, Vinh, Huế

D. Đồng Hới, Quảng Bình

**Câu 2:Giới hạn phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Dãy Tam Đảo       B. Dãy Con Voi

C. Dãy Tam Điệp       D. Dãy Bạch Mã

**Câu 3:Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Công nghiệp, thương mại, du lịch

B. Chăn nuôi gia súc lớn, nghề rừng

C. Trồng cây công nghiệp lâu năm

D. Trồng cây lương thực, thực phẩm

**Câu 4:Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do:Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do:** *(0,5 điểm)*

A. Tất cả các tỉnh đều giáp biển

B. Giao thông vận tải thuận lợi

C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn

D. Người dân giàu kinh nghiệm

**Câu 5:Phân bố dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là:** *(0,5 điểm)*

A. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.

B. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.

C. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.

D. Người dân tộc thiểu số tập trung ở các thành phố.

**Câu 6:Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với sản xuất và đời sống ở Tây Nguyên là:** *(0,5 điểm)*

A. Hay có những hiện tượng thời tiết thất thường.

B. Nắng lắm, mưa nhiều làm cho đất bị rửa trôi.

C. Mùa mưa thường xuyên xây ra lũ lụt, xói mòn.

D. Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng.

Phần tự luận

**Câu 1:Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, em hãy:** *(3,5 điểm)*

a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Nam ra Bắc?

b. Kể tên các khu kinh tế ven biển thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

**Câu 2:Cho bảng số liệu:** *(3,5 điểm)*

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN

SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích | | | | Sản lượng | | |
| 1995 | 2010 | 2014 | 1995 | | 2010 | 2014 |
| Tây Nguyên | 79,0 | 96,7 | 89,4 | 85,7 | | 92,9 | 93,0 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).

b. Rút ra những nhận xét cần thiết

**Đề thi Học kì 1**

**Môn: Địa lý 9**

*Thời gian làm bài: 45 phút*

**(Đề 3)**

Phần trắc nghiệm

**Câu 1:Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế Trọng điểm miền Trung:** *(0,5 điểm)*

A. Khánh Hòa       B. Bình Định

C. Quảng Nam        D. Quảng Ngãi

**Câu 2:Giới hạn phía Bắc của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Dãy Tam Đảo       B. Dãy Con Voi

C. Dãy Tam Điệp       D. Dãy Bạch Mã

**Câu 3:Hoạt động kinh tế chủ yếu của đồi núi phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Công nghiệp, thương mại, du lịch

B. Chăn nuôi gia súc lớn, nghề rừng

C. Khai thác và nuôi trồng thủy sản

D. Trồng cây lương thực, thực phẩm

**Câu 4:Các tỉnh Bắc Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do:** *(0,5 điểm)*

A. Giao thông vận tải thuận lợi

B. Tất cả các tỉnh đều giáp biển

C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn

D. Người dân giàu kinh nghiệm

**Câu 5:Dân cư ở đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là:** *(0,5 điểm)*

A. Chủ yếu là người Kinh, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố thị xã.

B. Chủ yếu là người Chăm, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố thị xã.

C. Chủ yếu là người Kinh, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.

D. Chủ yếu là người Chăm, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.

**Câu 6:Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên là:** *(0,5 điểm)*

A. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản, thủy điện.

B. Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm

C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

D. Tăng cường khai thác và chế biến lâm sản.

Phần tự luận

**Câu 1:Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, em hãy:** *(3,5 điểm)*

a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Nam ra Bắc?

b. Kể tên các nhà máy thủy điện ở vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

**Câu 2:Cho bảng số liệu:** *(3,5 điểm)*

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN

SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích | | | Sản lượng | | |
| 1995 | 2010 | 2014 | 1995 | 2010 | 2014 |
| Tây Nguyên | 79,0 | 96,7 | 89,4 | 85,7 | 92,9 | 93,0 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).

b. Rút ra những nhận xét cần thiết.

**Đề thi Học kì 1**

**Môn: Địa lý 9**

*Thời gian làm bài: 45 phút*

**(Đề 4)**

Phần trắc nghiệm

**Câu 1:Các trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Duyên hải Nam Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi.

B. Tuy Hòa, Phan Rang – Tháp Chàm, Phan Thiết.

C. Hội An, Vĩnh Hảo, Mũi Né.

D. Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang

**Câu 2:Tỉnh nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa tiếp giáp biển vừa có biên giới với Lào:** *(0,5 điểm)*

A. Quảng Nam       B. Quảng Ngãi

C. Quy Nhơn       D. Khánh Hòa

**Câu 3:Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực đồng bằng ven biển phía đông vùng Bắc Trung Bộ là:** *(0,5 điểm)*

A. Công nghiệp, thương mại, du lịch, chăn nuôi bò đàn

B. Chăn nuôi lợn, nghề rừng, cây công nghiệp hằng năm

C. Trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu, bò đàn

D. Sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm, thương mại.

**Câu 4:Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi nào để phát triển cây công nghiệp lâu năm:***(0,5 điểm)*

A. Đất phù sa, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

B. Giao thông vận tải thuận lợi, đất phù sa

C. Đất đỏ bazan, khí hậu cận xích đạo

D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn, đất đỏ bazan

**Câu 5:Dân cư ở đồng bằng đồi núi phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là:** *(0,5 điểm)*

A. Chủ yếu là người Kinh, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố thị xã.

B. Chủ yếu là các dân tộc thiểu số, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.

C. Chủ yếu là các dân tộc thiểu số, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố.

D. Chủ yếu là người Kinh, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.

**Câu 6:Các loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên là:** *(0,5 điểm)*

A. Mía, đậu tương, thuốc lá, lạc.

B. Cà phê, cao su, chè, điều

C. Bông, lạc, hồ tiêu, dừa

D. Thuốc lá, đậu tương, dừa, hồ tiêu.

Phần tự luận

**Câu 1:Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, em hãy:** *(3,5 điểm)*

a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc xuống Nam?

b. Kể tên các nhà máy thủy điện trên sông Xê Xan?

**Câu 2:Cho bảng số liệu:** *(3,5 điểm)*

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN

SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích | | | Sản lượng | | |
| 1995 | 2010 | 2014 | 1995 | 2010 | 2014 |
| Tây Nguyên | 79,0 | 96,7 | 89,4 | 85,7 | 92,9 | 93,0 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).

b. Rút ra những nhận xét cần thiết.